TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHỦ LÝ** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 06/2019/QĐST-TCDS V/v: "Kiện tranh chấp quyền sử dụng đất".	*Phủ Lý, ngày 21 tháng 8 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Chí Trung và bà Trần Thị Hoa.

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 05/2019/TLST-TCDS ngày 29/01/2019.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

*** Nguyên đơn:** 1. Ông Trần Hữu L, sinh năm 1977.

Địa chỉ: thôn T, xã T, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Hữu L là ông Đỗ Xuân B – Luật sư Công ty TNHH H thuộc đoàn Luật sư thành phố Hà Nội

2. Bà Trần Thị T, sinh năm 1976.

Địa chỉ: thôn T, xã T, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

*** Bị đơn:** 1. Ông Nguyễn Công X, sinh năm 1962.

2. Bà Trần Thị D, sinh năm 1965.

3. Ông Nguyễn Công X1, sinh năm 1964.

4. Bà Phạm Thị P, sinh năm 1965.

Đều ở địa chỉ: Thôn T, xã T, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ranh giới giữa hộ ông L và ông X được xác định như sau: Từ mép tường nhà ông X đến đất vườn nhà ông L có khoảng cách là 0,46m, chiều dài cạnh giáp giữa hộ ông X và hộ ông L là 11,36m.

- Ranh giới giữa hộ ông X1 và ông L được xác định như sau: Từ mép tường nhà ông X1 đến đất vườn hộ ông L là 0,87m, chiều dài cạnh giữa hộ ông X1 và hộ ông L là 13,13m.

- Riêng ngõ đi vào gia đình ông L giữ nguyên hiện trang như sau:

+ Đoạn giáp trục đường làng kích thước là 2,11m; đoạn giáp phần vườn ông L là 2,18m. Diện tích đất ngõ đi thuộc đất vườn (CLN) của gia đình ông L.

Các mốc giới các gia đình tự thỏa thuận đã được đóng cọc mốc đổ bê tông từ chân cọc. Các bên cam kết thực hiện đúng mốc giới đã xác định và không thay đổi bất kỳ mốc giới nào trong quá trình sử dụng đất (có sơ đồ hiện trạng kèm theo).

* Về chi phí đo đạc, xem xét thẩm định và định giá tài sản: Toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc bằng máy và định giá tài sản trong vụ án là 11.201.000đ (mười một triệu, hai trăm linh một nghìn). Nguyên đơn đồng ý nộp toàn bộ và đã thanh quyết toán xong theo biên bản quyết toán tiền chi phí tố tụng ngày 22/5/2019.

* Về án phí: Phần đất tranh chấp đã được xác định trong biên bản đo đạc bằng máy ngày 18/4/2019 là đất ở (ONT) diện tích 5m^2 có giá trị là 800.000đ/1m^2 và 01m^2 đất vườn (CLN) có giá trị 70.000đ. Tổng cộng là 4.070.000đ. Ông L và bà T đồng ý nộp án phí là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được đối trừ với biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0001996 ngày 29/01/2019 tại Cơ quan thi hành án dân sự thành phố phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Ông Trần Hữu L và bà Trần Thị T đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu L pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TT. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mai Oanh

TT. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mai Oanh